

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2019/HSST
Ngày: 17 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thanh Mai.

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Huỳnh Phú Ba.

2. Bà Trần Thị Phiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hiếu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Minh Đ; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh năm: 1993, tại huyện H, tỉnh B; nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; con ông: Võ Thanh T và bà: Nguyễn Thị M; anh, chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ ba; vợ, con chưa có; tiền sự: không; tiền án 02 lần: Ngày 30/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị bắt tạm giam ngày 22/01/2019, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (bị cáo có mặt tại phiên tòa);

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976; cư trú: Ấp Bình H A, xã Bình Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt).

2. Chị Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1992; cư trú: ấp T, xã T, thành phố, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977; cư trú ấp 6, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1981; cư trú: Ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1982; cư trú: Ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Minh Đ có 02 tiền án đều về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, do không có nghề nghiệp ổn định, lại thường sử dụng ma túy nên Đ thường sống lang thang tại nhiều địa phương khác nhau và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể, vào ngày 21/01/2019, Võ Minh Đ đi xe ôm từ xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến huyện C, tỉnh Đồng Tháp tìm nơi xin làm hồ nhưng không được nên ghé vào quán nước (không nhớ tên quán) ở xã H nằm nghỉ. Khoảng 01 giờ ngày 22/01/2019, Đ đi bộ theo hướng từ xã H đến xã T để tìm tài sản lấy trộm, bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến căn chòi tạm là nơi nghỉ ngơi của công nhân công ty T đang thi công cầu B thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, phát hiện anh Nguyễn Ngọc H đang nằm ngủ, bên trong mùng có để 02 điện thoại di động, 01 cái hiệu Oppo Neo 7 màu trắng và 01 cái hiệu Nokia 1110i Đ liền dùng dao lam rạch mùng lấy 02 điện thoại và để vào túi quần đang mặc. Khi Đ quay trở ra thì bị anh Trần Văn Q và Đặng Văn T là công nhân làm chung với anh H phát hiện bắt giữ và giao cho Công an xử lý.

Trong quá trình điều tra, Võ Minh Đ còn khai nhận vào chiều ngày 28/10/2018, Đ đi xe khách từ tỉnh Bạc Liêu đến quan T thuộc xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thì xuống xe, do không có tiền tiêu xài nên Đ ghé quán cà phê vòng ven Quốc lộ 80 (không rõ tên quán) nằm nghỉ đợi đến tối sẽ đi tìm tài sản lấy trộm. Đến 23 giờ cùng ngày, trong lúc đi bộ tìm tài sản lấy trộm, Đ phát hiện cửa rào và cửa nhà của chị Hồ Thị Ngọc D, thuộc ấp T, xã T, thành phố, tỉnh Vĩnh Long không khóa, trong nhà có đậu xe mô tô biển số 64C1-175.20, chìa khóa còn gắn trên xe, người trong nhà đã ngủ nên Đ vào nhà, dẫn xe mô tô ra khỏi nhà rồi điều khiển đến thành phố Hồ Chí Minh. Đến sáng ngày 29/10/2019, Võ Minh Đ mang xe mô tô lấy trộm của chị D cùng giấy đăng ký xe (chị D để trong cốp xe) và giấy chứng minh của Đ đến dịch vụ cầm đồ “Q” thuộc ấp 6, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Văn P làm chủ cầm 10.000.000đ. Ngày 05/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long đã chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhập vụ án giải quyết theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 28/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận 02 điện thoại di động, 01 cái

hiệu Oppo Neo 7 màu trắng và 01 cái hiệu Nokia 1110i cùng 02 sim điện thoại mà Võ Minh Đ lấy trộm của anh Nguyễn Ngọc H ngày 22/01/2019 trị giá 975.000đ. Bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 25/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Long kết luận xe mô tô biển số 64C1-175.20 mà Võ Minh Đ lấy trộm của chị Hồ Thị Ngọc D ngày 28/10/2018 trị giá 15.592.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ và trao trả cho anh Nguyễn Ngọc H 02 điện thoại di động, 01 cái hiệu Oppo Neo 7 màu trắng và 01 cái hiệu Nokia 1110i cùng 02 sim điện thoại; tạm giữ và trao trả cho chị Hồ Thị Ngọc D 01 xe mô tô biển số 64C1-175.20 cùng giấy đăng ký xe. Anh H và chị D đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Qua điều tra xác định khi nhận cầm xe anh Nguyễn Văn P không biết xe là do Võ Minh Đ lấy trộm mà có. Anh Pyêu cầu Võ Minh Đ bồi thường số tiền cầm xe 10.000.000đ.

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKS-CT ngày 28/3/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Võ Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong phần tranh luận giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị:

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại Hồ Thị Ngọc D và Nguyễn Ngọc H đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi nhận cầm xe không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự tuyên buộc bị cáo Võ Minh Đ trả lại cho anh Nguyễn Thanh P 10.000.000đ.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và đồng ý trả lại anh P10.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Qua điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Minh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định: Võ Minh Đ có hai tiền án đều về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Vào ngày 28/10/2018, Đ đến nhà của chị Hồ Thị Ngọc D, ngụ ấp T, xã T, thành phố V lấy trộm xe mô tô biển số 64C1-175.20, trị giá 15.592.000đ. Đến ngày 22/01/2019, Đ tiếp tục đến căn chòi tạm của công nhân đang xây dựng công trình cầu Bà Nhiên thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp lấy trộm 02 điện thoại di động, 01 cái hiệu Oppo Neo 7 màu trắng và 01 cái hiệu Nokia 1110i của anh Nguyễn Ngọc H, trị giá 975.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Đ lấy trộm của chị D và anh H là 16.567.000đ. Hành vi của bị cáo Võ Minh Đ có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Võ Minh Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác khi bị cáo có hai tiền án, chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản”; nên áp dụng tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” để xét xử bị cáo, được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà có vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa xóa án tích mà còn vi phạm;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm”

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Vì mục đích vụ lợi bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Bị cáo đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị

cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn hai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo để có một hình phạt cho phù hợp; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Hồ Thị Ngọc D và Nguyễn Ngọc H đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P khi nhận cầm xe không biết là tài sản do phạm tội mà có và có yêu cầu xem xét buộc bị cáo trả lại 10.000.000đ, bị cáo đồng ý trả lại cho anh Psố tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Võ Minh Đ trả lại cho anh Nguyễn Thanh P 10.000.000đ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải trả cho anh P 10.000.000đ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 10.00.000đ x 5% = 500.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Võ Minh Đ 03 (ba) năm tù, về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 01 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Võ Minh Đ trả lại cho anh Nguyễn Thanh P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Võ Minh Đ nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có thỏa thuận việc thi hành án. Người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành n hải chấp hành việc thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế heo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND huyện C; (1)
- CA huyện C; (1)
- Trại giam Cao Lãnh; (1)
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; (4)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; (1)
- THADS huyện C; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu VP, HS; (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lê Thanh Mai